

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2025/HS-ST

Ngày 04-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Biên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hồng Liên

Ông Phạm Đức Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trung - Thư ký Toà án nhân dân huyện B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thu Trang - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 04 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hình sự thụ lý số 20/2025/TLST-HS ngày 04/3/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST - HS ngày 20/3/2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Hữu L** (Tên gọi khác: L), sinh năm 1999 tại tỉnh An Giang.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh A; Chỗ ở: Thôn 2, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Thợ sắt; Trình độ văn hoá: lớp 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Thành B và bà Quỳnh Thị Kha M; Gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con lớn thứ 03 trong gia đình; Vợ, con: chưa có;

Tiền án, Tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 03/8/2020, bị Công an xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” (theo Quyết định xử phạt số 21/QĐ-XPHC, đã nộp phạt); Tại bản án số 62/2021/HS-ST ngày 12/5/2021, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/12/2021.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/12/2024 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện B nay là Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng - khu vực B. Có mặt.

Bị hại:

1. Ông **Trương Nhịt S**, sinh năm 1958. Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Chị **Đường Mỹ L**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn 6, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn 1, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

2. Chị **Ka E**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn 1, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

3. Anh **K'B**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn 1, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

4. Anh **K'T**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn 1, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

5. Ông **Phan Thanh L**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số 130 đường H, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu L là đối tượng nghiện ma túy, trong khoảng thời gian từ ngày 29/11/2024 đến ngày 03/12/2024, L đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện B và huyện D, tỉnh Lâm Đồng, cụ thể như sau:

Vụ thứ 01: Khoảng 19 giờ ngày 29/11/2024, khi L đi ngang qua nhà ông Trương Nhật S thấy trong sân nhà có dựng 01 mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen đỏ, biển số 49K1-313.54 không có người trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô này để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Ngay sau đó, L đi vào trong sân, dùng tay rút dây điện nối với ổ khóa rồi nổ máy điều khiển xe bỏ chạy. Trên đường đi, L ghé vào tiệm sửa xe bên đường thay ổ khóa, sau đó L điều khiển xe đến nhà của Trần Văn T. Tại đây, L gặp T và Ka E (là vợ của T); L nói với T xe mô tô biển số 49K1-313.54 của L mua để đi làm công trình, không có giấy tờ, hiện đang cần tiền nhờ T bán nên T đã đồng ý. Sau đó, Ka E đã bán xe mô tô này cho K'B được số tiền 4.500.000 đồng. Số tiền bán xe T đã đưa và L tiêu xài cá nhân hết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã thu hồi được xe mô tô nêu trên và trả cho chủ sở hữu là ông Phan Thanh L là con rể của ông Trương Nhật S.

Tại Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 14/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bảo Lâm, kết luận: 01 xe mô tô 02 bánh nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 49K1-313.54, đã qua sử dụng, có giá trị là 6.500.000 đồng.

Vụ thứ 02: Khoảng 10 giờ 00 ngày 03/12/2024, L một mình đi bộ từ nhà nghỉ Lâm Bảo N (thuộc thôn 2, xã Đ, huyện D - nơi L đang thuê phòng) đến ngã 3 thuộc cây số 16, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng đón xe ôm xuống nhà một người quen tại xã L, huyện B nhưng không gặp nên L đi bộ ra hướng Quốc lộ 20, khi đi được khoảng 02km thấy nhà chị Đường Mỹ L để 01 xe mô tô hiệu Honda Blade, màu đen, biển số 49H1-291.76 trước cửa nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp. Sau khi quan sát xung quanh thấy không có người, L đi vào trong sân dắt xe ra đường được khoảng 100 mét thì rút dây điện ở dưới cổ xe ra và nối lại với nhau để khởi động xe chạy theo Quốc lộ 20 lên hướng

huyện D đến nhà của Trần Văn T, tiếp tục nhờ T bán xe mô tô trên và cũng nói như lần nhờ bán xe mô tô biển số 49K1-313.54 vào ngày 29/11/2024. Sau đó, Ka E đã bán xe mô tô cho K'T với số tiền 5.000.000 đồng. Số tiền bán xe T đã đưa và L tiêu xài cá nhân hết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã thu hồi được xe mô tô nêu trên và trả cho chủ sở hữu là chị Đường My L.

Tại Kết luận định giá tài sản số 74/KL-HĐĐGTS ngày 06/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade biển số 49H1-291.76 đăng ký lần đầu ngày 06/12/2016 giá trị 8.000.000 đồng.

Về phần dân sự: Ông Trương Nhịt S và chị Đường My L không có yêu cầu gì về phần dân sự. Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Trần Văn T và chị Ka E yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 9.500.000 đồng (*đây là tiền bán 02 xe mô tô mà vợ chồng anh T đã đưa cho L*); Anh K'B và anh K'T không có yêu cầu gì về phần dân sự.

Tại bản cáo trạng số 25/CTr-VKSBL ngày 03/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Hữu L thừa nhận đã thực hiện hành vi 02 vụ trộm cắp tài sản như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L từ 24 đến 30 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Trương Nhịt S và chị Đường Mỹ L đã nhận lại tài sản nay không yêu cầu gì thêm nên đề nghị không xem xét.

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Trần Văn T và chị Ka E yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 9.500.000 đồng nên đề nghị buộc bị cáo phải trả lại số tiền 9.500.000 đồng cho anh Trần Văn T và chị Ka E; Anh K'B và anh K'T không có yêu cầu gì về phần dân sự nên đề nghị không xem xét.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã thu hồi được 02 xe mô tô nêu trên và đã trả cho chủ sở hữu là ông Phan Thanh L và chị Đường Mỹ L nên đề nghị không xem xét.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để có cơ hội hoà nhập gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Bị hại ông Trương Nhật S và chị Đường Mỹ L; Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Trần Văn T và chị Ka E có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh K'Ráo, anh K'T và ông Phan Thanh L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về thẩm quyền: Hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu L đã thực hiện được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B điều tra và Viện Kiểm sát nhân dân huyện B truy tố về “*Tội trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện B.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện B, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến thắc mắc hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Về hành vi của bị cáo:

4.1. Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau: L dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, vào ngày 29/11/2024 và 03/12/2024 trên địa bàn huyện D và huyện B bị cáo Nguyễn Hữu L đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 49K1-313.54 của ông Trương Nhật S và xe mô tô biển số 49H1-291.76 của chị Đường My L. Theo Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 14/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bảo Lâm thì chiếc xe mô tô 02 bánh nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 49K1-313.54, đã qua sử dụng, có giá trị là 6.500.000 đồng và Kết luận định giá tài sản số 74/KL-HĐĐGTS ngày 06/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade biển số 49H1-291.76 đăng ký lần đầu ngày 06/12/2016 giá trị 8.000.000 đồng, như vậy tổng giá trị tài sản bị báo đã chiếm đoạt là 14.500.000 đồng.

Bị cáo là người đã trưởng thành, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do tham lam, không có tiền tiêu xài cá nhân nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp pháp luật. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, biên bản xác định hiện trường, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo.

4.2. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu L đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của

Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy, Cáo trạng số 25/CTr-VKSBL ngày 03/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Nguyễn Hữu L theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

4.3. Hành vi của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo đã bị Công an xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” vào ngày 03/8/2020 và tại Bản án số 62/2021/HS-ST ngày 12/5/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” nhưng không tu dưỡng rèn luyện bản thân mà tiếp tục 02 lần thực hiện hành vi phạm tội, điều đó cho thấy bản thân bị cáo rất coi thường pháp luật.

Do vậy, cần thiết phải xử lý nghiêm khắc hành vi phạm tội, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và ngăn ngừa phạm tội mới, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật nên cần phải xét xử và áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

4.4. Tuy nhiên, để áp dụng mức hình phạt phù hợp với hành vi của bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo như sau:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội 02 lần nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo có nhân thân xấu.

4.5. Từ những phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

4.6. Trong vụ án này, đối với Trần Văn T và Ka E là người được bị cáo Nguyễn Hữu L nhờ bán xe mô tô biển số 49K1-313.54 và xe mô tô biển số 49H1-291.76; đối với K'T và K'B là người mua 02 xe mô tô nêu trên nhưng khi được nhờ bán cũng như khi mua xe Trần Văn T, Ka E, K'T và K'B không biết tài sản này do bị cáo phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà là đúng quy định của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ông Trương Nhịt S, chị Đường Mỹ L đã nhận lại tài sản; Anh K'T và anh K'B nay không yêu cầu gì thêm nên không xem xét;

Anh Trần Văn T và chị Ka E yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 9.500.000 đồng, đây là tiền bán 02 xe mô tô mà vợ chồng anh T đã đưa cho bị cáo nên buộc bị cáo L phải trả lại số tiền 9.500.000 đồng cho anh Trần Văn T và chị Ka E là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã thu hồi được 02 xe mô tô nêu trên và đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Phan Thanh L và chị Đường Mỹ L nên nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Hữu L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 475.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Hữu L** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/12/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu L phải trả lại số tiền 9.500.000 đồng cho anh Trần Văn T và chị Ka E.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 475.000 đồng dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại và người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

(Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chỉ được quyền kháng cáo phần có liên quan).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS huyện B;
- Bị cáo, và những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Trần Văn Biên